| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 53/2023/QĐ-UBND | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 12 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 73/TTr-STTTT ngày 03 tháng 11 năm 2023; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 4628/BC-STP-KTrVB ngày 29 tháng 8 năm 2023 và ý kiến thống thất của Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Ban hành Định mức**

Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức hao phí trực tiếp trong sản xuất tác phẩm báo in, báo điện tử, bao gồm: Hao phí về nhân công; Hao phí về vật liệu sử dụng trong sản xuất báo in, báo điện tử; Hao phí về máy móc thiết bị.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước để sản xuất sản phẩm báo in, báo điện tử.

b) Các cơ quan báo chí được cấp phép hoạt động báo in, báo điện tử sử dụng ngân sách nhà nước để sản xuất sản phẩm báo in, báo điện tử.

c) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử để sản xuất sản phẩm báo in, báo điện tử.

**Điều 3. Tổ chức thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2023.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Tài chính, các cơ quan báo chí Thành phố, cơ quan chủ quản báo chí Thành phố, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐNDTP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ VN TP;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Các Ban của HĐNDTP;
- Thành viên UBNDTP;
- VPUB: PCVP/VX;
- Sở, ngành Thành phố;
- Trung tâm Công báo Thành phố;
- Các Phòng NCTH;
- Lưu: VT, (VX/Ha). 10 +12

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Anh Đức**

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

# ĐỊNH MỨC
# KINH TẾ - KỸ THUẬT HOẠT ĐỘNG BÁO IN, BÁO ĐIỆN TỬ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*(Kèm theo Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

## I. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC XÂY DỰNG BẢN THẢO VÀ BIÊN TẬP BẢN THẢO TÁC PHẨM BÁO CHÍ

### 1. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tòa soạn báo

***1.1. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tin, bài phản ánh***

1.1.1. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tin vắn:

*Đơn vị tính: 01 tin vắn*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Tin không sử dụng tư liệu khai thác lại |
|---|---|---|---|
| 01.01.01.01 | ***Nhân công*** | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,08 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,14 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,75 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,03 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,05 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,15 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,942 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0003 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 4 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,002 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |
| | | | 1 |

*Đơn vị tính: 01 tin vắn*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức độ sử dụng tư liệu khai thác lại từ nguồn tin, bài trong nước | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Đến 30% | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 01.01.01.01 | ***Nhân công*** | | | | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,07 | 0,07 | 0,06 | 0,05 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,12 | 0,11 | 0,10 | 0,09 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,64 | 0,60 | 0,56 | 0,49 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,03 | 0,03 | 0,03 | 0,03 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,05 | 0,05 | 0,05 | 0,05 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,15 | 0,15 | 0,15 | 0,15 |
| | ***Máy sử dụng*** | | | | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,80 | 0,76 | 0,71 | 0,61 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0003 | 0,0003 | 0,0003 | 0,0003 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | | | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 4 | 4 | 4 | 4 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,002 | 0,002 | 0,002 | 0,002 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 | 10 | 10 | 10 |
| | | | 2 | 3 | 4 | 5 |

*Đơn vị tính: 01 tin vắn*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Đến 30% | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 01.01.01.01 | ***Nhân công*** | | | | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,08 | 0,07 | 0,07 | 0,06 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,13 | 0,12 | 0,11 | 0,1 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,68 | 0,64 | 0,6 | 0,53 |
| | Biên tập viên hạng I | Công | 0,03 | 0,03 | 0,03 | 0,03 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | bậc 3/6 | | | | | |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,05 | 0,05 | 0,05 | 0,05 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,15 | 0,15 | 0,15 | 0,15 |
| | ***Máy sử dụng*** | | | | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,85 | 0,80 | 0,76 | 0,66 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0003 | 0,0003 | 0,0003 | 0,0003 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | | | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 4 | 4 | 4 | 4 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,002 | 0,002 | 0,002 | 0,002 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 | 10 | 10 | 10 |
| | | | 6 | 7 | 8 | 9 |

1.1.2. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tin ngắn:

*Đơn vị tính: 01 tin ngắn*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Tin không sử dụng tư liệu khai thác lại |
|---|---|---|---|
| **01.01.01.02** | ***Nhân công*** | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,11 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,18 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,99 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,05 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,09 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,24 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 1,332 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0007 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 8 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,003 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |
| | | | 1 |

*Đơn vị tính: 01 tin ngắn*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | **Đến 30%** | **Trên 30% đến 50%** | **Trên 50% đến 70%** | **Trên 70%** |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **01.01.01.02** | ***Nhân công*** | | | | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,09 | 0,09 | 0,08 | 0,07 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,15 | 0,15 | 0,14 | 0,12 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,84 | 0,79 | 0,74 | 0,64 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,05 | 0,05 | 0,05 | 0,05 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,09 | 0,09 | 0,09 | 0,09 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,24 | 0,24 | 0,24 | 0,24 |
| | ***Máy sử dụng*** | | | | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 1,13 | 1,07 | 1,00 | 0,87 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0007 | 0,0007 | 0,0007 | 0,0007 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | | | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 8 | 8 | 8 | 8 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,003 | 0,003 | 0,003 | 0,003 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 | 10 | 10 | 10 |
| | | | 2 | 3 | 4 | 5 |

*Đơn vị tính: 01 tin ngắn*

| **Mã** | **Thành phần hao phí** | **Đơn vị** | **Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài** | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | **Đến 30%** | **Trên 30% đến 50%** | **Trên 50% đến 70%** | **Trên 70%** |
| **01.01.01.02** | ***Nhân công*** | | | | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,10 | 0,09 | 0,09 | 0,08 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,16 | 0,15 | 0,15 | 0,13 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,89 | 0,84 | 0,79 | 0,69 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,05 | 0,05 | 0,05 | 0,05 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,09 | 0,09 | 0,09 | 0,09 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,24 | 0,24 | 0,24 | 0,24 |
| | ***Máy sử dụng*** | | | | | |
| | Máy tính chuyên | Ca | 1,20 | 1,13 | 1,07 | 0,93 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | dụng | | | | | |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0007 | 0,0007 | 0,0007 | 0,0007 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | | | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 8 | 8 | 8 | 8 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,003 | 0,003 | 0,003 | 0,003 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 | 10 | 10 | 10 |
| | | | 6 | 7 | 8 | 9 |

1.1.3. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tin sâu:

*Đơn vị tính: 01 tin sâu*

| **Mã** | **Thành phần hao phí** | **Đơn vị** | **Tin không sử dụng tư liệu khai thác lại** |
|---|---|---|---|
| **01.01.01.03** | ***Nhân công*** | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,16 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,25 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 1,58 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,13 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,19 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,45 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 2,200 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0013 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 16 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,006 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |
| | | | 1 |

*Đơn vị tính: 01 tin sâu*

| **Mã** | **Thành phần hao phí** | **Đơn vị** | **Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước** | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | **Đến 30%** | **Trên 30% đến 50%** | **Trên 50% đến 70%** | **Trên 70%** |
| **01.01.01.03** | ***Nhân công*** | | | | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,13 | 0,13 | 0,12 | 0,10 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,21 | 0,20 | 0,19 | 0,16 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 1,35 | 1,27 | 1,19 | 1,03 |
| | Biên tập viên hạng I | Công | 0,13 | 0,13 | 0,13 | 0,13 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | bậc 3/6 | | | | | |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,19 | 0,19 | 0,19 | 0,19 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,45 | 0,45 | 0,45 | 0,45 |
| | ***Máy sử dụng*** | | | | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 1,87 | 1,76 | 1,65 | 1,43 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0013 | 0,0013 | 0,0013 | 0,0013 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | | | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 16 | 16 | 16 | 16 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,006 | 0,006 | 0,006 | 0,006 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 | 10 | 10 | 10 |
| | | | 2 | 3 | 4 | 5 |

*Đơn vị tính: 01 tin sâu*

| **Mã** | **Thành phần hao phí** | **Đơn vị** | **Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài** | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | **Đến 30%** | **Trên 30% đến 50%** | **Trên 50 % đến 70%** | **Trên 70%** |
| **01.01.01.03** | ***Nhân công*** | | | | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,13 | 0,13 | 0,12 | 0,10 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,21 | 0,20 | 0,19 | 0,16 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 1,35 | 1,27 | 1,19 | 1,03 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,13 | 0,13 | 0,13 | 0,13 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,19 | 0,19 | 0,19 | 0,19 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,45 | 0,45 | 0,45 | 0,45 |
| | ***Máy sử dụng*** | | | | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 1,98 | 1,87 | 1,76 | 1,54 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0013 | 0,0013 | 0,0013 | 0,0013 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | | | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 16 | 16 | 16 | 16 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,006 | 0,006 | 0,006 | 0,006 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 | 10 | 10 | 10 |
| | | | 6 | 7 | 8 | 9 |

1.1.4. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại bài phản ánh:

*Đơn vị tính: 01 bài phản ánh*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại |
|---|---|---|---|
| 01.01.01.04 | ***Nhân công*** | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,33 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,54 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 3,27 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,18 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,5 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 1,14 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 4,767 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0025 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 30 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,012 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |
| | | | 1 |

*Đơn vị tính: 01 bài phản ánh*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Đến 30% | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 01.01.01.04 | ***Nhân công*** | | | | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,28 | 0,27 | 0,25 | 0,22 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,46 | 0,43 | 0,41 | 0,35 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 2,78 | 2,62 | 2,45 | 2,13 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,18 | 0,18 | 0,18 | 0,18 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,50 | 0,50 | 0,50 | 0,50 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 1,14 | 1,14 | 1,14 | 1,14 |
| | ***Máy sử dụng*** | | | | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 4,05 | 3,81 | 3,58 | 3,10 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0025 | 0,0025 | 0,0025 | 0,0025 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | | | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 30 | 30 | 30 | 30 |
| | Mực in | Hộp | 0,012 | 0,012 | 0,012 | 0,012 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 | 10 | 10 | 10 |
| | | | 2 | 3 | 4 | 5 |

*Đơn vị tính: 01 bài phản ánh*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Đến 30% | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| **01.01.01.04** | ***Nhân công*** | | | | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,30 | 0,28 | 0,27 | 0,23 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,49 | 0,46 | 0,43 | 0,38 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 2,94 | 2,78 | 2,62 | 2,29 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,18 | 0,18 | 0,18 | 0,18 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,50 | 0,50 | 0,50 | 0,50 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 1,14 | 1,14 | 1,14 | 1,14 |
| | ***Máy sử dụng*** | | | | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 4,29 | 4,05 | 3,81 | 3,34 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0025 | 0,0025 | 0,0025 | 0,0025 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | | | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 30 | 30 | 30 | 30 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,012 | 0,012 | 0,012 | 0,012 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 | 10 | 10 | 10 |
| | | | 6 | 7 | 8 | 9 |

***1.2. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại bài chính luận***

*Đơn vị tính: 01 bài chính luận*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại |
|---|---|---|---|
| **01.01.02.01** | ***Nhân công*** | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Phóng viên hạng I bậc 4/6 | Công | 3,69 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 5,98 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,44 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 4/6 | Công | 2,77 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 5,96 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 15,067 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0125 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 150 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,06 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |
| | | | 1 |

*Đơn vị tính: 01 bài chính luận*

| **Mã** | **Thành phần hao phí** | **Đơn vị** | **Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước** | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | **Đến 30%** | **Trên 30% đến 50%** | **Trên 50% đến 70%** | **Trên 70%** |
| **01.01.02.01** | ***Nhân công*** | | | | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 4/6 | Công | 3,13 | 2,95 | 2,77 | 2,4 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 5,08 | 4,78 | 4,48 | 3,89 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,37 | 0,35 | 0,33 | 0,28 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 4/6 | Công | 2,77 | 2,77 | 2,77 | 2,77 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 5,96 | 5,96 | 5,96 | 5,96 |
| | ***Máy sử dụng*** | | | | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 12,81 | 12,05 | 11,30 | 9,79 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0125 | 0,0125 | 0,0125 | 0,0125 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | | | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 150 | 150 | 150 | 150 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,06 | 0,06 | 0,06 | 0,06 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 | 10 | 10 | 10 |
| | | | 2 | 3 | 4 | 5 |

*Đơn vị tính: 01 bài chính luận*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Đến 30% | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 01.01.02.01 | ***Nhân công*** | | | | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 4/6 | Công | 3,32 | 3,13 | 2,95 | 2,58 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 5,38 | 5,08 | 4,78 | 4,19 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,39 | 0,37 | 0,35 | 0,31 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 4/6 | Công | 2,77 | 2,77 | 2,77 | 2,77 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 5,96 | 5,96 | 5,96 | 5,96 |
| | ***Máy sử dụng*** | | | | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 13,56 | 12,81 | 12,05 | 10,55 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0125 | 0,0125 | 0,0125 | 0,0125 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | | | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 150 | 150 | 150 | 150 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,06 | 0,06 | 0,06 | 0,06 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 | 10 | 10 | 10 |
| | | | 6 | 7 | 8 | 9 |

***1.3. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại phóng sự, ký sự, điều tra***

1.3.1. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại phóng sự, ký sự:

*Đơn vị tính: 01 bài ký sự 1 kỳ/bài phóng sự 1 kỳ*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại |
|---|---|---|---|
| 01.01.03.01 | ***Nhân công*** | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,13 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 4,52 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 10,17 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,25 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 2,5 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 6,13 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 18,95 |
| | Máy ghi âm chuyên dụng | Ca | 10,369 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,01 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 120 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,048 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |
| | | | 1 |

*Đơn vị tính: 01 bài ký sự 1 kỳ/ bài phóng sự 1 kỳ*

| **Mã** | **Thành phần hao phí** | **Đơn vị** | **Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước** | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | **Đến 30%** | **Trên 30% đến 50%** | **Trên 50% đến 70%** | **Trên 70%** |
| **01.01.03.01** | ***Nhân công*** | | | | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,11 | 0,10 | 0,09 | 0,08 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 3,84 | 3,62 | 3,39 | 2,94 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 8,64 | 8,13 | 7,63 | 6,61 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,25 | 0,25 | 0,25 | 0,25 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 2,5 | 2,5 | 2,5 | 2,5 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 6,13 | 6,13 | 6,13 | 6,13 |
| | ***Máy sử dụng*** | | | | | |
| | Máy tính chuyên dụng | ca | 16,11 | 15,16 | 14,21 | 12,32 |
| | Máy ghi âm chuyên dụng | Ca | 8,81 | 8,30 | 7,78 | 6,74 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,01 | 0,01 | 0,01 | 0,01 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | | | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 120 | 120 | 120 | 120 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,048 | 0,048 | 0,048 | 0,048 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 | 10 | 10 | 10 |
| | | | 2 | 3 | 4 | 5 |

*Đơn vị tính: 01 bài ký sự 1 kỳ/bài phóng sự 1 kỳ*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Đến 30% | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 01.01.03.01 | ***Nhân công*** | | | | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,11 | 0,11 | 0,10 | 0,09 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 4,07 | 3,84 | 3,62 | 3,16 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 9,15 | 8,64 | 8,13 | 7,12 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,25 | 0,25 | 0,25 | 0,25 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 2,50 | 2,50 | 2,50 | 2,50 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 6,13 | 6,13 | 6,13 | 6,13 |
| | ***Máy sử dụng*** | | | | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 17,06 | 16,11 | 15,16 | 13,27 |
| | Máy ghi âm chuyên dụng | Ca | 9,33 | 8,81 | 8,30 | 7,26 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,01 | 0,01 | 0,01 | 0,01 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | | | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 120 | 120 | 120 | 120 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,048 | 0,048 | 0,048 | 0,048 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 | 10 | 10 | 10 |
| | | | 6 | 7 | 8 | 9 |

1.3.2. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại điều tra:

*Đơn vị tính: 01 bài điều tra 1 kỳ*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại |
|---|---|---|---|
| 01.01.03.02 | ***Nhân công*** | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 4/6 | Công | 0,38 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 4,06 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 11,1 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 4/6 | Công | 0,33 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 2,17 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 6,17 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 19,367 |
| | Máy ghi âm chuyên dụng | Ca | 10,879 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,01 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 120 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,048 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |
| | | | 1 |

*Đơn vị tính: 01 bài điều tra 1 kỳ*

| **Mã** | **Thành phần hao phí** | **Đơn vị** | **Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước** | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | **Đến 30%** | **Trên 30% đến 50%** | **Trên 50% đến 70%** | **Trên 70%** |
| **01.01.03.02** | ***Nhân công*** | | | | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 4/6 | Công | 0,32 | 0,3 | 0,28 | 0,24 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 3,45 | 3,25 | 3,05 | 2,64 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 9,44 | 8,88 | 8,33 | 7,22 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 4/6 | Công | 0,33 | 0,33 | 0,33 | 0,33 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 2,17 | 2,17 | 2,17 | 2,17 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 6,17 | 6,17 | 6,17 | 6,17 |
| | ***Máy sử dụng*** | | | | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 16,46 | 15,49 | 14,53 | 12,59 |
| | Máy ghi âm chuyên dụng | Ca | 9,25 | 8,70 | 8,16 | 7,07 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,01 | 0,01 | 0,01 | 0,01 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | | | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 120 | 120 | 120 | 120 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,048 | 0,048 | 0,048 | 0,048 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 | 10 | 10 | 10 |
| | | | 2 | 3 | 4 | 5 |

*Đơn vị. tính: 01 bài điều tra 1 kỳ*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Đến 30% | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 01.01.03.02 | ***Nhân công*** | | | | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 4/6 | Công | 0,34 | 0,32 | 0,3 | 0,26 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 3,66 | 3,45 | 3,25 | 2,84 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 9,99 | 9,44 | 8,88 | 7,77 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 4/6 | Công | 0,33 | 0,33 | 0,33 | 0,33 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 2,17 | 2,17 | 2,17 | 2,17 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 6,17 | 6,17 | 6,17 | 6,17 |
| | ***Máy sử dụng*** | | | | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 17,43 | 16,46 | 15,49 | 13,56 |
| | Máy ghi âm chuyên dụng | Ca | 9,79 | 9,25 | 8,70 | 7,62 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,01 | 0,01 | 0,01 | 0,01 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | | | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 120 | 120 | 120 | 120 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,048 | 0,048 | 0,048 | 0,048 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 | 10 | 10 | 10 |
| | | | 6 | 7 | 8 | 9 |

***1.4. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại bài phỏng vấn***

*Đơn vị tính: 01 bài phỏng vấn*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại |
|---|---|---|---|
| 01.01.04.01 | ***Nhân công*** | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,13 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 4,75 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 9,02 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,25 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 2,00 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 4,46 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 16,483 |
| | Máy ghi âm chuyên dụng | Ca | 9,727 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,01 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 120 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,048 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |
| | | | 1 |

*Đơn vị tính: 01 bài phỏng vấn*

| **Mã** | **Thành phần hao phí** | **Đơn vị** | **Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước** | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | **Đến 30%** | **Trên 30% đến 50%** | **Trên 50% đến 70%** | **Trên 70%** |
| **01.01.04.01** | ***Nhân công*** | | | | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,11 | 0,1 | 0,09 | 0,08 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 4,04 | 3,8 | 3,56 | 3,09 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 7,67 | 7,22 | 6,77 | 5,86 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,25 | 0,25 | 0,25 | 0,25 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 2 | 2 | 2 | 2 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 4,46 | 4,46 | 4,46 | 4,46 |
| | ***Máy sử dụng*** | | | | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 14,01 | 13,19 | 12,36 | 10,71 |
| | Máy ghi âm chuyên dụng | Ca | 8,27 | 7,78 | 7,30 | 6,32 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,01 | 0,01 | 0,01 | 0,01 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | | | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 120 | 120 | 120 | 120 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,048 | 0,048 | 0,048 | 0,048 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 | 10 | 10 | 10 |
| | | | 2 | 3 | 4 | 5 |

*Đơn vị tính: 01 bài phỏng vấn*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Đến 30% | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 01.01.04.01 | ***Nhân công*** | | | | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,11 | 0,11 | 0,1 | 0,09 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 4,28 | 4,04 | 3,8 | 3,33 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 8,12 | 7,67 | 7,22 | 6,31 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,25 | 0,25 | 0,25 | 0,25 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 2 | 2 | 2 | 2 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 4,46 | 4,46 | 4,46 | 4,46 |
| | ***Máy sử dụng*** | | | | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 14,84 | 14,01 | 13,19 | 11,54 |
| | Máy ghi âm chuyên dụng | Ca | 8,75 | 8,27 | 7,78 | 6,81 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,01 | 0,01 | 0,01 | 0,01 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | | | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 120 | 120 | 120 | 120 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,048 | 0,048 | 0,048 | 0,048 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 | 10 | 10 | 10 |
| | | | 6 | 7 | 8 | 9 |

***1.5. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại bài nghiên cứu trao đổi***

*Đơn vị tính: 01 bài nghiên cứu trao đổi*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại |
|---|---|---|---|
| 01.01.05.01 | ***Nhân công*** | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,42 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 3,48 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 5,19 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,29 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 1,63 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 3,56 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 11,65 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0067 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 80 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,032 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |
| | | | 1 |

*Đơn vị tính: 01 bài nghiên cứu trao đổi*

| **Mã** | **Thành phần hao phí** | **Đơn vị** | **Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước** | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | **Đến 30%** | **Trên 30% đến 50%** | **Trên 50% đến 70%** | **Trên 70%** |
| **01.01.05.01** | ***Nhân công*** | | | | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,35 | 0,33 | 0,31 | 0,27 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 2,96 | 2,78 | 2,61 | 2,26 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 4,41 | 4,15 | 3,89 | 3,37 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,29 | 0,29 | 0,29 | 0,29 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 1,63 | 1,63 | 1,63 | 1,63 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 3,56 | 3,56 | 3,56 | 3,56 |
| | ***Máy sử dụng*** | | | | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 9,90 | 9,32 | 8,74 | 7,57 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0067 | 0,0067 | 0,0067 | 0,0067 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | | | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 80 | 80 | 80 | 80 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,032 | 0,032 | 0,032 | 0,032 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 | 10 | 10 | 10 |
| | | | 2 | 3 | 4 | 5 |

*Đơn vị tính: 01 bài nghiên cứu trao đổi*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Đến 30% | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 01.01.05.01 | ***Nhân công*** | | | | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,38 | 0,35 | 0,33 | 0,29 |
| | Phóng viên hạng II bậc 5/8 | Công | 3,13 | 2,96 | 2,78 | 2,44 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 4,67 | 4,41 | 4,15 | 3,63 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,29 | 0,29 | 0,29 | 0,29 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 1,63 | 1,63 | 1,63 | 1,63 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 3,56 | 3,56 | 3,56 | 3,56 |
| | ***Máy sử dụng*** | | | | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 10,49 | 9,90 | 9,32 | 8,16 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0067 | 0,0067 | 0,0067 | 0,0067 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | | | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 80 | 80 | 80 | 80 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,032 | 0,032 | 0,032 | 0,032 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 | 10 | 10 | 10 |
| | | | 6 | 7 | 8 | 9 |

***1.6. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại ảnh báo chí***

1.6.1. Bảng định mức xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tin ảnh:

*Đơn vị tính: 01 bức ảnh (tin ảnh)*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| 01.01.06.01 | ***Nhân công*** | | |
| | Phóng viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,17 |
| | Phóng viên hạng II bậc 4/8 | Công | 0,26 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 2,48 |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,02 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 4/8 | Công | 0,09 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,6 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 2,175 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Máy ảnh chuyên dụng | Ca | 0,992 |
| | Máy in laser A4 màu | Ca | 0,0003 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 4 |
| | Mực in laser A4 màu | Hộp | 0,0016 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

1.6.2. Bảng định mức xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại ảnh minh họa:

*Đơn vị tính: 01 bức ảnh (ảnh minh họa)*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **01.01.06.02** | ***Nhân công*** | | |
| | Phóng viên hạng II bậc 4/8 | Công | 0,17 |
| | Phóng viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,96 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 4/8 | Công | 0,05 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,33 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,906 |
| | Máy ảnh chuyên dụng | Ca | 0,383 |
| | Máy in laser A4 màu | Ca | 0,0003 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 4 |
| | Mực in laser A4 màu | Hộp | 0,0016 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

***1.7. Định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tranh báo chí***

1.7.1. Bảng định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tranh minh họa:

*Đơn vị tính: 01 bức tranh*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **01.01.07.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Họa sĩ bậc 5/9 | Công | 1,63 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 4/8 | Công | 0,05 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,33 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 1,300 |
| | Máy in laser A4 màu | Ca | 0,0002 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 4 |
| | Mực in laser A4 màu | Hộp | 0,001 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

1.7.2. Bảng định mức công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo đối với thể loại tranh biếm họa:

*Đơn vị tính: 01 bức tranh*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **01.01.07.02** | ***Nhân công*** | | |
| | Họa sĩ bậc 5/9 | Công | 1,98 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 4/8 | Công | 0,05 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,40 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 1,583 |
| | Máy in laser A4 màu | Ca | 0,0002 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 4 |
| | Mực in laser A4 màu | Hộp | 0,001 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

***1.8. Định mức công tác biên tập bản thảo đối với thể loại trả lời bạn đọc***

*Đơn vị tính: 01 tin /bài trả lời bạn đọc*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **01.01.08.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,02 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,75 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 2,36 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 2,508 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,005 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 60 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,024 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

**2. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng**

***2.1. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại tin***

2.1.1. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại tin vắn:

*Đơn vị tính: 01 tin vắn*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **01.02.01.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,04 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,07 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,31 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,34 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0003 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 4 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,0016 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

2.1.2. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại tin ngắn:

*Đơn vị tính: 01 tin ngắn*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **01.02.01.02** | ***Nhân công*** | | |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,11 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,20 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,41 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,57 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0005 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 6 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,0024 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

2.1.3. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại tin sâu:

*Đơn vị tính: 01 tin sâu*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **01.02.01.03** | ***Nhân công*** | | |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,20 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,31 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,71 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,98 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0008 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 10 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,0040 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

***2.2. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài phản ánh***

*Đơn vị tính: 01 bài phản ánh*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **01.02.02.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,5 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,73 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 1,35 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 2,07 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0018 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 22 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,0088 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

***2.3. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài chính luận***

*Đơn vị tính: 01 bài chính luận*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **01.02.03.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Biên tập viên hạng I bậc 4/6 | Công | 3,13 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 6,56 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,13 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 7,85 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0125 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 150 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,06 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

***2.4. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài phóng sự, ký sự, điều tra***

2.4.1. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài phóng sự, ký sự:

*Đơn vị tính: 01 bài ký sự 1 kỳ/phóng sự 1 kỳ*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **01.02.04.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,38 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 2,94 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 7,31 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 8,5 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,01 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 120 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,048 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

2.4.2. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài phóng sự điều tra:

*Đơn vị tính: 01 bài điều tra 1 kỳ*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **01.02.04.02** | ***Nhân công*** | | |
| | Biên tập viên hạng I bậc 4/6 | Công | 0,46 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 2,56 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 7,79 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 8,65 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,01 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 120 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,048 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

***2.5. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài phỏng vấn***

*Đơn vị tính: 01 bài phỏng vấn*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **01.02.05.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,38 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 2,44 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 5,27 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 6,47 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,01 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 120 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,048 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

***2.6. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại văn học***

2.6.1. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại văn xuôi:

*Đơn vị tính: 01 bản thảo văn xuôi*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **01.02.06.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,17 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 1,98 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 5,23 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 5,9 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0033 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 40 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,016 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

2.6.2. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại thơ:

*Đơn vị tính: 01 bản thảo thơ*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **01.02.06.02** | ***Nhân công*** | | |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,17 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 1,0 |
| | Biên tập viên hạng Ill bậc 5/9 | Công | 3,15 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 3,45 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0008 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 10 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,004 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

***2.7. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài nghiên cứu trao đổi***

*Đơn vị tính: 01 bài nghiên cứu trao đổi*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **01.02.07.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,33 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 1,98 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 4,17 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 5,18 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0067 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 80 |
| | Mực in | Hộp | 0,032 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

***2.8. Định mức công tác biên tập bản thảo tác phẩm báo chí của tác giả gửi đăng đối với thể loại bài báo khoa học***

*Đơn vị tính: 01 bài báo khoa học*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **01.02.08.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,71 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 2,75 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 6,79 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 8,2 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0042 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 50 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,02 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

***2.9. Định mức công tác biên tập bản thảo ảnh báo chí được sưu tầm hoặc của tác giả chụp gửi đăng***

2.9.1. Bảng định mức biên tập bản thảo tin ảnh của tác giả chụp gửi đăng:

*Đơn vị tính: 01 bức ảnh*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **01.02.09.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Biên tập viên hạng I bậc 3/6 | Công | 0,08 |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,21 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,98 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 1,02 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0003 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 4 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,0016 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

2.9.2. Bảng định mức biên tập bản thảo ảnh minh họa sưu tầm:

*Đơn vị tính: 01 bức ảnh*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **01.02.09.02** | ***Nhân công*** | | |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,18 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,6 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,63 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0003 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 4 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,0016 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

2.9.3. Bảng định mức biên tập bản thảo ảnh minh họa của tác giả chụp gửi đăng:

*Đơn vị tính: 01 bức ảnh*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **01.02.09.03** | ***Nhân công*** | | |
| | Biên tập viên hạng II bậc 5/8 | Công | 0,17 |
| | Biên tập viên hạng III bậc 5/9 | Công | 0,58 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,6 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0003 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 4 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,0016 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

***2.10. Định mức công tác biên tập bản thảo tranh báo chí được sưu tầm hoặc của tác giả vẽ gửi đăng***

2.10.1. Bảng định mức công tác biên tập bản thảo tranh minh họa sưu tầm:

*Đơn vị tính: 01 bức tranh*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **01.02.10.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Họa sĩ bậc 5/9 | Công | 0,90 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,72 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0003 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 4 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,0016 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

2.10.2. Bảng định mức công tác biên tập bản thảo tranh minh họa tác giả vẽ gửi đăng:

*Đơn vị tính: 01 bức tranh*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **01.02.10.02** | ***Nhân công*** | | |
| | Họa sĩ bậc 5/9 | Công | 0,89 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,71 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0003 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 4 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,0016 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

2.10.3. Bảng định mức công tác biên tập bản thảo tranh biếm họa sưu tầm:

*Đơn vị tính: 01 bức tranh*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **01.02.10.03** | ***Nhân công*** | | |
| | Họa sĩ bậc 5/9 | Công | 1,19 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,95 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0003 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 4 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,0016 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

2.10.4. Bảng định mức công tác biên tập bản thảo tranh biếm họa tác giả vẽ gửi đăng:

*Đơn vị tính: 01 bức tranh*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **01.02.10.04** | ***Nhân công*** | | |
| | Họa sĩ bậc 5/9 | Công | 1,04 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,83 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0003 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 4 |
| | Mực in | Hộp | 0,0016 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

## II. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC THIẾT KẾ, CHẾ BẢN BÁO IN

**1. Định mức công tác thiết kế layout trang báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn, đặc san, tạp chí in).**

***1.1. Bảng định mức thiết kế layout trang báo in khổ A3:***

*Đơn vị tính: 01 trang A3*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| 02.01.01.01 | ***Nhân công*** | | |
| | Kỹ sư bậc 3/9 | Công | 1,33 |
| | Họa sĩ bậc 3/9 | Công | 0,38 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 1,367 |
| | Máy in laser A4 màu | Ca | 0,0003 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 (quy *đổi 1 tờ A3 bằng 2 tờ A4)* | Tờ | 4 |
| | Mực in laser A4 màu | Hộp | 0,002 |

***1.2. Bảng định mức thiết kế layout trang báo in khổ A4:***

*Đơn vị tính: 01 trang A4*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| 02.01.01.02 | ***Nhân công*** | | |
| | Kỹ sư bậc 3/9 | Công | 0,71 |
| | Họa sĩ bậc 3/9 | Công | 0,19 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,717 |
| | Máy in laser A4 màu | Ca | 0,0002 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 2 |
| | Mực in màu laser A4 màu | Hộp | 0,001 |

**2. Định mức công tác thiết kế trình bày trang nhất tờ báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn).**

***2.1. Bảng định mức thiết kế trình bày trang nhất từ báo in khổ A3:***

*Đơn vị tính: 01 trang khổ A3*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| 02.02.01.01 | ***Nhân công*** | | |
| | Kỹ sư bậc 3/9 | Công | 0,58 |
| | Họa sĩ bậc 3/9 | Công | 0,31 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,717 |
| | Máy in laser A4 màu | Ca | 0,0005 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 *(quy đổi 1 tờ A3 bằng 2 tờ A4)* | Tờ | 6 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Mực in màu laser A4 màu | Hộp | 0,002 |

***2.2. Bảng định mức thiết kế trình bày trang nhất tờ báo in khổ A4:***

*Đơn vị tính: 01 trang khổ A4*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **02.02.01.02** | ***Nhân công*** | | |
| | Kỹ sư bậc 3/9 | Công | 0,44 |
| | Họa sĩ bậc 3/9 | Công | 0,25 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,55 |
| | Máy in laser A4 màu | Ca | 0,0005 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 6 |
| | Mực in laser A4 màu | Hộp | 0,002 |

***2.3. Bảng định mức thiết kế trình bày trang bìa ngoài báo in dạng sách (bao gồm tạp chí in, đặc san), bìa cơ bản, đơn giản, hài hoà giữa chữ và hình ảnh minh họa:***

*Đơn vị tính: 01 bìa ngoài sách*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **02.02.01.03** | ***Nhân công*** | | |
| | Họa sĩ bậc 5/9 | Công | 1,26 |
| | Kỹ sư bậc 5/9 | Công | 2,58 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 3,07 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0003 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy | Tờ | 4 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,002 |
| | Vật liệu phụ | % | 10 |

**3. Định mức công tác thiết kế trình bày chữ trong báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn, đặc san, tạp chí in).**

*Đơn vị tính: 01 tin, bài*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **02.02.01.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Kỹ sư bậc 3/9 | Công | 0,017 |
| | Họa sĩ bậc 3/9 | Công | 0,006 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,019 |
| | Máy in laser A4 màu | Ca | 0,0005 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Giấy A4 | Tờ | 6 |
| | Mực in laser A4 màu | Hộp | 0,002 |

**4. Định mức công tác thiết kế trình bày tranh, ảnh trong trong báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn, đặc san, tạp chí in**

*Đơn vị tính: 01 tranh (ảnh)*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **02.04.01.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Kỹ sư bậc 3/9 | Công | 0,095 |
| | Họa sĩ bậc 3/9 | Công | 0,020 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,099 |
| | Máy in laser A4 màu | Ca | 0,0005 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 6 |
| | Mực in màu | Hộp | 0,002 |

**5. Định mức công tác thiết kế trình bày bảng, hộp chữ trong báo in (bao gồm báo in, ấn phẩm báo in, bản tin, bản tin thông tấn, đặc san, tạp chí in).**

*Đơn vị tính: 01 bảng biểu/hộp chữ*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **02.05.01.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Kỹ sư bậc 3/9 | Công | 0,077 |
| | Họa sĩ bậc 3/9 | Công | 0,017 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,086 |
| | Máy in laser A4 màu | Ca | 0,0005 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 6 |
| | Mực in laser A4 màu | Hộp | 0,002 |

## III. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC THIẾT KẾ, CHẾ BẢN, ĐĂNG TẢI BÁO ĐIỆN TỬ

**1. Định mức công tác thiết kế layout trang báo điện tử.**

*Đơn vị tính: 01 trang*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **03.01.01.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Kỹ sư bậc 3/9 | Ca | 0,071 |
| | Họa sĩ bậc 3/9 | Ca | 0,019 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,072 |
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0002 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 2 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,001 |

**2. Định mức công tác thiết kế trình bày trang trượt (slide) báo điện tử (bao gồm báo điện tử, chuyên trang báo điện tử, tạp chí điện tử).**

***2.1. Bảng định mức thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có chữ cho báo điện tử:***

*Đơn vị tính: 01 trang (slide)*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **03.02.01.01** | ***Nhân công*** | | |
| | kỹ sư bậc 3/9 | Công | 0,27 |
| | Họa sĩ bậc 3/9 | Công | 0,08 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,283 |
| | Máy in laser A4 màu | Ca | 0,0002 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 2 |
| | Mực in laser A4 màu | Hộp | 0,001 |

***2.2. Bảng định mức thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có bảng biểu, hộp chữ cho báo điện tử:***

*Đơn vị tính: 01 trang (slide)*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **03.02.01.02** | ***Nhân công*** | | |
| | Kỹ sư bậc 3/9 | Công | 0,32 |
| | Họa sĩ bậc 3/9 | Công | 0,10 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,342 |
| | Máy in laser A4 màu | Ca | 0,0002 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 2 |
| | Mực in laser A4 màu | Hộp | 0,001 |

***2.3. Bảng định mức thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có tranh, ảnh cho báo điện tử:***

*Đơn vị tính: 01 trang (slide)*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **03.02.01.03** | ***Nhân công*** | | |
| | Kỹ sư bậc 3/9 | Công | 0,27 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Họa sĩ bậc 3/9 | Công | 0,10 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,300 |
| | Máy in laser A4 màu | Ca | 0,0002 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 2 |
| | Mực in laser A4 màu | Hộp | 0,001 |

***2.4. Bảng định mức thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có video cho báo điện tử:***

*Đơn vị tính: 01 trang (slide)*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **03.02.01.04** | ***Nhân công*** | | |
| | Kỹ sư bậc 3/9 | Công | 0,29 |
| | Họa sĩ bậc 3/9 | Công | 0,10 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,317 |
| | Máy in laser A4 màu | Ca | 0,0002 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 2 |
| | Mực in laser A4 màu | Hộp | 0,001 |

***2.5. Bảng định mức thiết kế trình bày trang trượt (slide) hỗn hợp các dạng chữ, bảng biểu, hộp chữ, tranh, ảnh, video cho báo điện tử:***

*Đơn vị tính: 01 trang (slide)*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **03.02.01.05** | ***Nhân công*** | | |
| | Kỹ sư bậc 3/9 | Công | 0,35 |
| | Họa sĩ bậc 3/9 | Công | 0,13 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,383 |
| | Máy in laser A4 màu | Ca | 0,0002 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 2 |
| | Mực in laser A4 màu | Hộp | 0,001 |

## 3. Định mức công tác thiết kế trình bày chữ trong báo điện tử.

*Đơn vị tính: 01 tin, bài*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **03.03.01.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Kỹ sư bậc 3/9 | Công | 0,077 |
| | Họa sĩ bậc 3/9 | Công | 0,018 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,092 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Máy in laser A4 | Ca | 0,0005 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 6 |
| | Mực in laser A4 | Hộp | 0,002 |

**4. Định mức công tác thiết kế trình bày tranh, ảnh trong báo điện tử.**

*Đơn vị tính: 01 tranh (ảnh)*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **03.04.01.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Kỹ sư thiết kế bậc 3/9 | Công | 0,010 |
| | Họa sĩ bậc 3/9 | Công | 0,024 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dung | Ca | 0,119 |
| | Máy in laser A4 màu | Ca | 0,0005 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 6 |
| | Mực in laser A4 màu | Hộp | 0,002 |

**5. Định mức công tác thiết kế trình bày bảng, hộp chữ trong báo điện tử.**

*Đơn vị tính: 01 bảng biểu/ hộp chữ*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **03.05.01.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Kỹ sư thiết kế bậc 3/9 | Công | 0,084 |
| | Họa sĩ bậc 3/9 | Công | 0,020 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,101 |
| | Máy in laser A4 màu | Ca | 0,0005 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy A4 | Tờ | 6 |
| | Mực in laser A4 màu | Hộp | 0,002 |

## IV. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC IN CÁC LOẠI ẤN PHẨM BÁO IN

### 1. Định mức công tác bình bản thủ công

Bảng định mức công tác bình bản thủ công cho 1 bản kẽm:

*Đơn vị tính: 01 bản bình*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **04.01.01.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Công nhân in nhóm II bậc 4/7 | Công | 0,111 |

**2. Định mức công tác in bản can**

Bảng định mức công tác in bản can khổ A4:

*Đơn vị tính: 100 tờ khổ A4*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **04.02.01.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Công nhân in nhóm II bậc 4/7 | Công | 0,026 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Máy in laser A4 đen trắng - Chuyên in giấy can | Ca | 0,026 |
| | Máy tính chuyên dụng | Ca | 0,026 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy can A4 | Tờ | 105 |
| | Mực in laser A4 | hộp | 0,21 |
| | Vật liệu phụ | % | 5 |

**3. Định mức công tác ghi bản phim và bình bản**

Bảng định mức công tác in bản phim:

*Đơn vị tính: 100 tờ phim*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **04.03.01.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Công nhân in nhóm II bậc 4/7 | Công | 0,032 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Hệ thống máy ghi phim chuyên dùng | Ca | 0,032 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Phim bitonal, greyscale and color | Tờ | 102 |
| | Vật liệu phụ | % | 5 |

**4. Định mức công tác ghi bản kẽm từ bản can hoặc bản phim**

*Đơn vị tính: 100 bản kẽm*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **04.04.01.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Công nhân in nhóm II bậc 4/7 | Công | 12,75 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Hệ thống máy phơi kẽm thủ công | Ca | 12,75 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Bản kẽm | Bản | 102 |
| | Vật liệu phụ | % | 5 |

**5. Định mức công tác ghi bản kẽm từ file và bình bản**

Bảng định mức công tác ghi bản kẽm từ file:

*Đơn vị tính: 100 bản kẽm*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| 04.05.01.01 | ***Nhân công*** | | |
| | Công nhân in nhóm III bậc 4/7 | Công | 1,821 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Hệ thống máy in kẽm tự động | Ca | 1,821 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Bản kẽm | Bản | 102 |
| | Vật liệu phụ | % | 5 |

**6. Định mức công tác in offset 1 màu, 2 màu và 4 màu**

***6.1. Bảng định mức công tác in offset 1 màu (màu đen), giấy cuộn, in báo khổ giấy 608mm x 914 mm, in 2 mặt đồng thời:***

*Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 1 màu đen, khổ giấy 608x914mm*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| 04.06.01.01 | ***Nhân công*** | | |
| | Công nhân in nhóm III bậc 4/7 | Công | 0,55 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Hệ thống máy in offset giấy cuộn, in 2 mặt, tự động | Ca | 0,092 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy in | $m^2$ | 6112,83 |
| | Mực in đen | Kg | 8,15 |
| | Vật liệu phụ | % | 5 |

***6.2. Bảng định mức công tác in offset 1 màu (màu khác màu đen), giấy cuộn, in báo khổ giấy 608mm X 914mm, in 2 mặt đồng thời:***

*Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 1 màu khác màu đen, khổ giấy 608x914mm*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| 04.06.01.02 | ***Nhân công*** | | |
| | Công nhân in nhóm III bậc 4/7 | Công | 0,55 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Hệ thống máy in offset giấy cuộn, in 2 mặt, tự động | Ca | 0,092 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy in | $m^2$ | 6112,83 |
| | Mực in màu | Kg | 9,17 |
| | Vật liệu phụ | % | 5 |

***6.3. Bảng định mức công tác in offset 2 màu giấy cuộn, in báo khổ giấy 608mm X 914mm, in 2 mặt đồng thời:***

*Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 2 màu, khổ giấy 608x914mm*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| 04.06.01.03 | ***Nhân công*** | | |
| | Công nhân in nhóm III bậc 4/7 | Công | 0,642 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Hệ thống máy in offset giấy cuộn, in 2 mặt, tự động | Ca | 0,092 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy in | $m^2$ | 6112,83 |
| | Mực in màu | Kg | 18,34 |
| | Vật liệu phụ | % | 5 |

***6.4. Bảng định mức công tác in offset 4 màu giấy cuộn, in báo khổ giấy 608mm x 914mm, in 2 mặt đồng thời:***

*Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 4 màu, khổ giấy 608x914mm*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| 04.06.01.04 | ***Nhân công*** | | |
| | Công nhân in nhóm III bậc 4/7 | Công | 0,733 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Hệ thống máy in offset giấy cuộn, in 2 mặt, tự động, 4 màu | Ca | 0,092 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy in | $m^2$ | 6112,83 |
| | Mực in màu | Kg | 36,68 |
| | Vật liệu phụ | % | 5 |

***6.5. Bảng định mức công tác in offset, 1 màu (màu đen), giấy rời, in báo khổ giấy 790mm x 1090mm, in 2 mặt, đảo mặt thủ công:***

*Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 1 màu đen, khổ giấy 790x1090mm*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| 04.06.01.05 | ***Nhân công*** | | |
| | Công nhân in nhóm III bậc 4/7 | Công | 0,764 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Hệ thống máy in offset 1 màu, tờ rời | Ca | 0,764 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy in | $m^2$ | 9472,1 |
| | Mực in đen | Kg | 9,47 |
| | Vật liệu phụ | % | 5 |

***6.6. Bảng định mức công tác in offset, 1 màu (màu khác màu đen), giấy rời, in báo khổ giấy 790mm x 1090mm, in 2 mặt, đảo mặt thủ công:***

*Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 1 màu, khổ giấy 790x1090mm*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **04.06.01.06** | ***Nhân công*** | | |
| | Công nhân in nhóm III bậc 4/7 | Công | 0,764 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Hệ thống máy in offset 1 màu, tờ rời, | Ca | 0,764 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy in | $m^2$ | 9472,1 |
| | Mực in màu | Kg | 10,72 |
| | Vật liệu phụ | % | 5 |

***6.7. Bảng định mức công tác in offset, 2 màu, giấy rời, in báo khổ giấy 790mm x 1090mm, in 2 mặt, đảo mặt thủ công:***

*Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 2 màu, khổ giấy 790x1090mm*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **04.06.01.07** | ***Nhân công*** | | |
| | Công nhân in nhóm III bậc 4/7 | Công | 1,528 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Hệ thống máy in offset 2 màu, tờ rời | Ca | 0,764 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy in | $m^2$ | 9472,1 |
| | Mực in màu | Kg | 21,45 |
| | Vật liệu phụ | % | 5 |

***6.8. Bảng định mức công tác in offset, 4 màu, giấy rời, in báo khổ giấy 790mm x 1090mm, in 2 mặt, đảo mặt thủ công:***

*Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 4 màu, khổ giấy 790x1090 mm*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **04.06.01.08** | ***Nhân công*** | | |
| | Công nhân in nhóm III bậc 4/7 | Công | 3,056 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Hệ thống máy in offset 4 màu, tờ rời | Ca | 0,764 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Giấy in | $m^2$ | 9472,1 |
| | Mực in màu | Kg | 42,89 |
| | Vật liệu phụ | % | 5 |

## 7. Định mức công tác xén

### *7.1. Bảng định mức công tác xén 1 mặt để gấp:*

*Đơn vị tính: 10.000 bản in*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| 04.07.01.01 | ***Nhân công*** | | |
| | Công nhân in nhóm II bậc 4/7 | Công | 0,250 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Hệ thống máy cắt 1 mặt | Ca | 0,1250 |

### *7.2. Bảng định mức công tác xén 3 mặt để hoàn thiện ấn phẩm dạng cuốn (dạng quyển):*

*Đơn vị tính: 1. 000 cuốn độ dày 5,1 cm*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| 04.07.01.02 | ***Nhân công*** | | |
| | Công nhân in nhóm II bậc 4/7 | Công | 1,136 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Hệ thống máy xén 3 mặt | Ca | 0,5682 |

## 8. Định mức công tác gấp

*Đơn vị tính: 10.000 bản in*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| 04.08.01.01 | ***Nhân công*** | | |
| | Công nhân in nhóm II bậc 4/7 | Công | 1,250 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Hệ thống máy gấp 3 vạch | Ca | 0,625 |

## 9. Định mức công tác đóng tập

### *9.1. Bảng định mức công tác đóng tập lồng, dập ghim ấn phẩm dạng cuốn khổ A4:*

*Đơn vị tính: 1000 cuốn khổ A4*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| 04.09.01.01 | ***Nhân công*** | | |
| | Công nhân in nhóm II bậc 4/7 | Công | 0,313 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Hệ thống máy đóng ghim tự động | Ca | 0,0781 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Dây thép | m | 15,00 |

***9.2. Bảng định mức công tác đóng tập lồng, dập ghim ấn phẩm dạng cuốn khổ A3:***

*Đơn vị tính: 1000 cuốn khổ A3*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **04.09.01.02** | ***Nhân công*** | | |
| | Công nhân in nhóm II bậc 4/7 | Công | 0,625 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Hệ thống máy đóng ghim | Ca | 0,1563 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Dây thép | m | 20,00 |

***9.3. Bảng định mức công tác đóng ấn phẩm dạng cuốn bằng phương pháp khâu chỉ:***

*Đơn vị tính: 10.000 bản in*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **04.09.01.03** | ***Nhân công*** | | |
| | Công nhân in nhóm II bậc 4/7 | Công | 3,750 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Hệ thống máy khâu chỉ sách | Ca | 1,250 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Chỉ khâu | m | 150,00 |

***9.4. Bảng định mức công tác đóng ấn phẩm dạng cuốn bằng phương pháp keo nhiệt vào bìa:***

*Đơn vị tính: 1000 cuốn khổ A4*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **04.09.01.04** | ***Nhân công*** | | |
| | Công nhân in nhóm II bậc 4/7 | Công | 1 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Hệ thống máy đóng sách keo nhiệt | Ca | 0,25 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Keo dán các loại | Kg | 0,225 |

**10. Định mức công tác vào bìa**

***10.1. Bảng định mức công tác lồng trang nhất báo bằng phương pháp thủ công:***

*Đơn vị tính: 10.000 bản in*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **04.10.01.01** | ***Nhân công*** | | |
| | Công nhân in nhóm I bậc 3/7 | Công | 2,50 |

***10.2. Bảng định mức công tác vào bìa ấn phẩm dạng cuốn bằng phương pháp khâu chỉ, dán keo:***

*Đơn vị tính: 1.000 cuốn khổ A4*

| Mã | Thành phần hao phí | Đơn vị | Mức |
|---|---|---|---|
| **04.10.01.02** | ***Nhân công*** | | |
| | Công nhân in nhóm II bậc 4/7 | Công | 0,1 |
| | ***Máy sử dụng*** | | |
| | Hệ thống máy vào bìa dán keo | Ca | 0,025 |
| | ***Vật liệu sử dụng*** | | |
| | Keo dán gáy | Kg | 0,125 |

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ